TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HS-ST
Ngày: 28/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lợi

Bà Hoàng Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Ninh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Đoàn Văn Đ, sinh năm 1992, tại xã Đ, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn 8, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn N và bà Lê Thị T; bị cáo có vợ là Đỗ Thị L và 02 con; tiền án: không, tiền sự: 01; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/7/2017 đến ngày 18/7/2017 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Người bị hại: Anh Phan Văn N, sinh năm: 1978 (đã chết)

Địa chỉ: Xóm 6, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Bà Thái Thị L, sinh năm: 1934 là mẹ đẻ của anh Phan Văn N.

Địa chỉ: Xóm 6, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An

- Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Xóm 6, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Theo giấy ủy quyền ngày 08/11/2017. Có mặt

- Người làm chứng:

+ Bà Lê Thị T, sinh năm: 1957. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

+ Chị Đoàn Thị B, sinh năm: 1987. Có mặt

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

+ Chị Đỗ Thị L, sinh năm: 1998. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

+ Anh Hoàng Kim D, sinh năm: 1989. Có mặt

Địa chỉ: Thôn 3, xã C, TP. Th, tỉnh Thanh Hóa.

+ Anh Hoàng Kim Đ, sinh ngày: 24/01/2000. Có mặt

Địa chỉ: Thôn 3, xã C, TP. Th, tỉnh Thanh Hóa.

+ Anh Phạm Văn Q, sinh năm: 1969. Có mặt

Địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

+ Chị Lê Thị X, sinh năm: 1967. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ trưa ngày 08/7/2017, Đoàn Văn Đ ngồi ăn cơm tại nhà Đ ở thôn 8, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cùng với Đỗ Thị L (vợ Đ, Đoàn Thị B (chị gái Đ) và anh Phan Văn N (là chồng chị B nhưng chưa đăng ký kết hôn). Khi ăn cơm, Đ và anh N có uống bia, rượu. Trong lúc ăn uống thì có to tiếng, sau đó anh N rủ Đ vật tay, Đ đồng ý vì nghĩ anh N có ý chê mình yếu. Trong lúc vật nhau ở gian phòng khách, Đ đã làm anh N ngã, miệng của anh N va vào cánh tủ gây xước và chảy máu ở mép miệng. Chị B can ngăn nên Đ và anh N tiếp tục ngồi ăn cơm uống rượu. Lúc này bà Lê Thị T (mẹ của Đ) đang ngủ trưa ở nền nhà gần đó nghe ồn ào nên tỉnh dậy, biết Đ và N lại say rượu chửi nhau nên bà T chửi N "mày ăn nhanh rồi cút đi", N chửi lại, sau đó hai người chửi nhau. Đ và chị B can ngăn nhưng không được, nên Đ bực tức. Lúc này trong phòng chỉ có Đ, N, chị B và bà T còn L đã đi xuống dưới nhà dọn dẹp. Chị B sợ hàng xóm nghe thấy cãi nhau xấu hổ nên đã khép cửa lại. Thấy bà T và anh N vẫn cãi nhau, Đ liền đi ra sân giếng lấy một đoạn gậy tre (cán xẻng bị hỏng) dài khoảng 120cm, đường kính 03cm cầm lên nhà. Đ cầm gậy tre đi lại giơ lên dọa thì bà T bỏ chạy ra ngoài, anh N vẫn ngồi tại chiếu ăn cơm tiếp tục chửi bới nên Đ cầm gậy tre bên tay phải, đứng ở vị trí đối diện trước mặt N và vung gậy đập mạnh nhiều cái từ trên xuống dưới về phía N đang ngồi dưới chiếu, N giơ tay chân ra đỡ, nên Đ đổi chiều cầm gậy vụt từ phải sang trái rồi từ trái sang phải nhiều lần. Bị đánh, N vùng dậy giằng lại gậy nhưng không được. Chị B thấy vậy nên đã can ngăn, Đ cầm gậy đi xuống nhà dưới ném gậy ra sân giếng rồi quay lại chiếu ăn cơm. Thấy anh N vẫn ngồi dưới chiếu, Đ lại ngồi cùng tiếp tục uống 1 - 2 cốc bia với N. Sau đó Đ lấy bia và thức ăn lên uống với tốp thợ đang xây

nhà cho chị B sát với nhà Đ, nhưng thợ không uống, Đ ngồi uống một mình ở nhà đang xây. Còn anh N, sau khi bị Đ đánh vẫn ngồi uống bia một mình, khoảng 30 phút sau thì nằm ra chiếu, miệng nói lải nhải. Thấy anh N mệt, chị B nghĩ là anh N say rượu nên bế con đi xuống nhà dưới nghỉ để anh N ngủ một mình. Khoảng 30 phút sau, chị L lên thấy anh N vẫn nằm với tư thế như vậy nên lên nhà gọi Đ, tưởng N say rượu, Đ nói "anh ấy say rồi để yên cho anh ấy ngủ, đừng đánh thức anh ấy dậy anh ấy chửi cho đấy" và Đ cũng không xuống kiểm tra.

Đến 15 giờ cùng ngày, chị L quay lên nhà phát hiện thấy anh N nằm bất tỉnh, mắt trợn ngược, da nhợt nhạt, không thở nữa nên gọi Đ và mọi người đưa N đi cấp cứu tại Trạm y tế xã Đ, nhưng được xác định là anh N đã chết trước khi đưa đến Trạm y tế.

Ngày 09/7/2017, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã phối hợp với Viện Khoa học hình sự Bộ Công an tiến hành khám nghiệm tử thi đối với anh Phan Văn N, đồng thời trưng cầu Viện khoa học Hình sự Bộ Công an xác định về nguyên nhân chết của anh Phan Văn N, cơ chế hình thành thương tích của anh N, giám định mô bệnh học, độc chất phủ tạng, ma túy và các chất kích thích trong máu, nồng độ cồn trong máu.

Tại Bản kết luận Giám định Pháp y tử thi số 3454/CP54-TT1 ngày 31/8/2017 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an:

Khám ngoài: Các dấu vết tổn thương:

* Vùng đầu, mặt, cổ:

- Vùng thái dương phải, sát trên vành tai có diện tích bầm tụ máu 10 x 3,5cm.

- Vùng đỉnh trái, cách trên đỉnh vành tai trái 07cm, cách đường chân tóc trán 06cm có vết xây xước da, sưng nề, bầm tụ máu 4 x 3,5cm.

- Vùng cung mày, đuôi mắt, gò má phải có diện tích bầm tụ máu 4,5 x 2cm.

- Hai mắt nhắm, củng mạc vàng, nhãn cầu hai bên không tổn thương. Hai lỗ tai, lỗ mũi không có máu.

- Niêm mạc môi bên phải, sát khóe mép có diện tích bầm tụ 3 x 1cm.

- Các răng không tổn thương.

- Vùng cổ trước, sát đường giữa - lệch nhiều sang trái, cách trên hõm ức 4cm có vết bầm tụ máu 4,5 x 0,8cm.

* Vùng ngực, bụng, lưng:

- Vùng ngực trái, cách xương đòn 2cm, cách đường giữa 2cm có 3 vết xây xước da, bầm tụ máu, trên diện tích 8,5 x 4,5cm; từ ngoài vào trong: Vết (1) kích thước 2,5 x 1,5cm, vết (2) cách vết (1) 3cm kích thước 4,5 x 0,5cm, vết (3) cách vết (2) 3cm kích thước 2 x 0,5cm. Các vết có dạng chếch chéo gần dọc, gần song song nhau.

- Vùng sườn trái, trên đường nách sau, cách hõm nách 18cm có vết bầm tụ máu nằm ngang kích thước 8,8 x 3cm, ở giữa có diện da nhạt màu kích thước 4,5 x (0,7-1)cm.

- Bụng chướng, vùng thượng vị bên phải, sát đường giữa, cách dưới hõm ức 5cm có vết bầm tụ máu kích thước 3 x 2cm.

- Vùng bụng trái, cách đường giữa 7,5cm, cách dưới bờ sườn 13cm có vết bầm tụ máu kích thước 1 x 0,5cm.

- Vùng bụng trái, cách đường giữa 13,5cm, cách dưới bờ sườn 5cm có diện bầm tụ máu kích thước 2 x 1,7cm.

* Vùng chậu, sinh dục:

- Khung chậu vững.

- Dương vật có dị vật dưới da, đầu dương vật có dịch màu trắng đục.

- Hậu môn và bìu bám nhiều phân.

* Tay, chân:

- Tay phải: không thấy dấu vết tổn thương.

- Tay trái:

+ Mặt sau - mặt ngoài cánh tay, cách mõm cùng vai 12cm có diện xây xước da, bầm tụ máu kích thước 19 x 11cm. Trong đó, cách dưới mõm cùng vai 14cm có vết bầm tụ máu nằm chếch chéo kích thước 5 x 3cm, ở giữa có diện da nhạt màu kích thước 3,5 x 1,2cm.

+ Mặt ngoài cổ tay có diện bầm tụ máu kích thước 4,5 x 4cm. Mặt mu liên đốt 1,2 ngón I có vết bầm tụ máu kích thước 1 x 0,8cm. Mặt mu bàn tay và mu các ngón tay III, IV có diện tích bầm tụ máu 9 x 6,5cm. Mặt gan bàn tay, tại khớp bàn ngón III và ngón III, IV, V có diện bầm tụ máu 7 x 6cm.

- Chân phải: Mặt trước - trong gối phải có diện bầm tụ máu 8,5 x4cm. Mặt trước 2/3 trên cẳng chân phải, dọc theo mào chày, cách bờ dưới xương bánh chè 5cm có diện xây xước da, bầm tụ máu kích thước 18 x 4,5cm, chiều hướng từ trên xuống dưới. Mặt trong ngón I, II bàn chân phải có vết xây xước da, bầm tụ máu kích thước 5 x1,5cm, chiều hướng từ trên xuống dưới.

- Chân trái: Mặt trước - ngoài 1/3 dưới đùi, cách nếp lằn khoeo 2,5cm có diện bầm tụ máu 8 x 4cm. Mặt trước giữa gối vó vết bầm tụ máu kích thước 1 x 0,8cm. Mặt trong bàn chân, cách dưới mắt cá trong 2cm có vết bầm tụ máu kích thước 1,5 x 1,3cm. Gót chân có vết bầm tụ máu kích thước 5 x 1,5cm. Mặt trong ngón I có diện xây xước da, bầm tụ máu kích thước 6 x 1,5cm, chiều hướng từ trên xuống dưới.

Khám trong:

* Vùng đầu:

- Vùng đỉnh trái có diện tụ máu kích thước 2,5 x 2cm, tương ứng với vết xây xước da bên ngoài.

- Cơ thái dương bên phải, sát nền sọ có vết tụ máu kích thước 4,5 x 1cm. Cơ thái dương bên trái thuần nhất không tổn thương.

- Xương hộp sọ không tổn thương. Màng cứng không tổn thương, không tụ máu ngoài và dưới màng cứng. Màng mềm xung huyết, diện cắt qua nhu mô não chất trắng chất xám rõ, không xuất huyết. Các não thất không chảy máu . Tiểu não xung huyết, diện cắt qua nhu mô không thấy tổn thương.

* Vùng ngực, bụng:

- Vùng cơ sườn bên trái có diện tụ máu kích thước 7 x3cm, tương ứng với vết bầm tụ máu bên ngoài.

- Vùng thượng vị có diện tụ máu kích thước 2,8 x 1,3cm, tương ứng với vết bầm tụ máu bên ngoài.

- Vùng bụng trái có diện tụ máu dưới da kích thước 3 x 2,5cm, tương ứng với vết bầm tụ máu bên ngoài.

- Khoang ngực hai bên có ít dịch vàng nhạt, phổi hai bên phù, diện cắt qua nhu mô phổi có nhiều dịch bọt chảy ra; lòng khí phế quản chứa ít dịch, dịch nhiều ở gốc phế quản, thùy dưới phổi trái có diện tụ máu kích thước 13 x 6cm.

- Khoang màng tim có ít dịch màu vàng nhạt, hệ thống mạch vành bình thường, diện cắt cơ tim thuần nhất, các van tim bình thường.

- Khoang bụng chứa 03 lít dịch lẫn máu.

- Gan to, kích thước 27 x 20 x 14cm, nhạt màu, bề mặt sần sùi nhiều nốt đầu đinh. Túi mật căng 6 x 4cm.

- Lách: Hố lách có nhiều máu cục lẫn máu không đông, lách kích thước 15x9x6cm. Bầm tụ máu cực dưới lách trên diện 9x4,5cm. Dập, rách mạch máu cuống lách. Tụ máu quanh cuống lách.

- Thận hai bên không thấy tổn thương. Dạ dày chứa khoảng 200ml dịch màu nâu nhạt. Bàng quang xẹp.

* Mô bệnh học:

- Não, tiểu não: Phù, xung huyết, tế bào thần kinh thoái hóa.

- Tim: Cơ tim giãn, nhiều vùng cơ tim lượn sóng, thoái hóa mất nhân; mô kẽ giãn rộng, ngấm nhiều dịch phù.

- Phổi: Phù, xung huyết mạnh, xuất huyết nhiều nơi; nhiều vùng phế nang giãn, lòng chứa đầy dịch màu hồng xen lẫn các vùng phế nang rách, thông nhau, lòng chứa đầy hồng cầu và tế bào lót phế nang; lòng phế quản chứa dịch màu hồng lẫn biểu mô bong; mô kẽ nhiều nơi sơ hóa, xâm nhiễm ít bạch cầu đơn nhân.

- Gan: Xung huyết, nhiều vùng mất cấu trúc tiểu thùy và cấu trúc bè gan, tế bào gan thoái hóa mỡ lan tỏa, vách gian tiểu thùy tăng sinh sơ mạnh, xâm nhiễm nhiều bạch cầu đơn nhân, mao mạch nan hoa giãn xâm nhiễm bạch cầu đơn nhân lẫn tế bào Kuffer hoạt hóa.

- Thận: Xung huyết, chùm mao mạch Malpighi giãn, khoang Bowman hẹp, một số tiểu cầu thận sơ hóa, xâm nhiễm bạch cầu đơn nhân; các ống thận phù, thoái hóa.

- Lách: Xung huyết mạnh, nhu mô đụng dập, nhiều vùng tập trung các đám hồng cầu lẫn sợi tơ huyết.

Kết luận:

- Trên cơ thể có nhiều vết xây xát da, sưng nề, bầm tụ máu tại vùng đầu, ngực, bụng, tay, chân; tập trung nhiều ở bên trái cơ thể. Khoang ngực hai bên có dịch vàng nhạt, phổi hai bên phù. Khoang bụng chứa 3 lít dịch lẫn máu; gan to, xơ; bầm tụ máu cực dưới lách, dập rách mạch máu cuống lách.

- Mô bệnh học: Phổi phù phế nang mạnh, xung huyết, xuất huyết; viêm gan, xơ gan, thoái hóa mỡ nặng; viêm cầu thận sơ hóa, lách đụng dập, tụ máu.

- Trong mẫu máu của tử thi Phan Văn N có tìm thấy Ethanol, nồng độ 323,5mg/100ml máu.

- Trong mẫu phủ tạng, máu của tử thi Phan Văn N không tìm thấy chất ma túy, chất kích thích và các chất độc thường gặp.

* Nguyên nhân chết của Phan Văn N: Mất máu do dập rách mạch máu cuống lách trên người xơ gan, viêm gan có sử dụng rượu nồng độ 323,5mg/100ml máu.

* Cơ chế hình thành thương tích: Các tổn thương trên cơ thể anh Phan Văn N do vật tày tác động gây nên; trong đó vết bầm tụ máu tại sườn trái (vùng lách) và cánh tay trái do vật tày tròn tác động gây nên.

Ngày 09/7/2017, Đoàn Văn Đ đã đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đầu thú khai báo hành vi phạm tội của mình.

Đoàn Văn Đ khai nhận giữa Đ anh Phan Văn N không có mâu thuẫn gì với nhau. Việc Đ dùng gậy đánh anh N là do anh N cãi chửi nhau với bà T mẹ của Đ) nên Đ bực tức. Khi Đ ơ gậy ra vụt, anh N giơ chân tay ra đỡ và vùng dậy giằng lấy gậy nên Đ mới dùng gậy đánh nhiều cái vào người anh N. Đ không có mục đích đánh chết anh N, vì sau khi đánh anh N, được chị B can ngăn, Đ đã vứt gậy đi rồi quay lại tiếp tục uống bia với anh N. Quá trình điều tra thu thập chứng cứ không đủ cơ sở xác định Đoàn Văn Đ có mục đích tước đoạt tính mạng của anh N. Do đó không đủ cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đoàn Văn Đ về tội "Giết người" mà chỉ đủ cơ sở xử lý về tội "Cố ý gây thương tích". Đoàn Văn Đ cũng thừa nhận chỉ mình Đ gây thương tích cho anh N, ngoài ra không còn ai khác tham gia.

Đối với các vết bầm tím, xây xước trên vùng ngực và cổ anh N là do anh N say rượu nên đã tự cào vào người gây ra.

Tại bản cáo trạng số 09/KSĐT-TA ngày 18/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Quảng Xương để xét xử bị can Đoàn Văn Đ về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên tham gia phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 104; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Đoàn Văn Đ từ 10 năm đến 10 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự. Chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường về dân sự giữa bị cáo và người đại diện của người bị hại, cụ thể: Chi phí mai táng: 20.000.000^{đ}; tiền cấp dưỡng nuôi cháu Phan Văn T mỗi tháng 2.000.000^{đ}, kể từ tháng 07/2017 đến tháng 6/2019, tổng số tiền là 48.000.000^{đ}; tiền cấp dưỡng nuôi bà Thái Thị L mỗi tháng là 500.000^{đ},

trong thời gian 05 năm, tổng số tiền là 30.000.000đ; khoản tiền tổn thất tinh thần là 50.000.000đ. Tổng số tiền là 148.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy chiếc gậy tre mà Đ đã sử dụng gây thương tích cho anh Phan Văn N.

- Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị hại: Hiện nay bị cáo Đ chưa bồi thường về dân sự cho gia đình người bị hại. Tại phiên tòa đại diện gia đình của người bị hại yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho gia đình người bị hại những khoản tiền sau: Số tiền chi phí việc mai táng cho anh N: 20.000.000đ; tiền cấp dưỡng nuôi cháu Phan Văn T, sinh ngày 10/6/2001 (là con của anh N, theo bản án số 16/2014/HNGĐ-ST ngày 15/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An thì anh N có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu T) mỗi tháng 2.000.000đ, yêu cầu bị cáo phải cấp dưỡng một lần, kể từ tháng 07/2017 đến tháng 6/2019 là 24 tháng, tổng số tiền là 48.000.000đ; tiền cấp dưỡng nuôi bà Thái Thị L (là mẹ đẻ của anh N, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng khi còn sống) mỗi tháng là 500.000đ, trong thời gian 05 năm, yêu cầu bị cáo cấp dưỡng một lần, tổng số tiền là 30.000.000đ; khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 50.000.000đ. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là 148.000.000đ. Về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo: Thống nhất với nội dung cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, không có tranh luận gì. Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về địa phương lao động để bồi thường cho gia đình bị hại. Bị cáo thống nhất với yêu cầu bồi thường dân sự của gia đình người bị hại, bị cáo sẽ có trách nhiệm bồi thường một lần các khoản tiền mà gia đình người bị hại yêu cầu tại phiên tòa, tổng số tiền là 148.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, cơ quan truy tố, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập hợp lệ và những người này đã có lời khai, ý kiến trong quá trình điều tra. Xét thấy những người này vắng mặt tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xem xét lời khai của bị cáo Đoàn Văn Đ tại phiên tòa, thấy phù hợp với: Biên bản khám nghiệm tử thi, kết luận giám định pháp y tử thi, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác thu thập trong quá trình điều tra vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 12 giờ ngày 08/7/2017, tại gia đình Đoàn Văn Đ ở thôn 8, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, Đoàn Văn Đ đã có hành vi dùng gậy tre dài 1,2m, đã khô, dạng cán xẻng gẫy lưỡi, thân tròn đường kính 3cm đánh nhiều cái vào người anh Phan Văn N, gây thương tích dẫn đến anh N chết. Nguyên nhân chết là do: Mất máu do dập rách mạch máu cuống lách trên người xơ gan, viêm gan có sử dụng rượu nồng độ 323,5mg/100ml máu (Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 3454/PC54-TT1 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an).

Giữa bị cáo Đ và anh N không có mâu thuẫn gì, anh N là chồng chưa cưới của chị Đoàn Thị B (chị gái của Đ), chỉ vì trong khi ăn cơm uống rượu thì Đ và anh N có vật tay gây ồn ào nên bà T (mẹ của Đ) quát mắng anh N, anh N cãi nhau với bà T, Đ can ngăn không được nên tức giận dùng gậy đánh anh N với mục đích để anh N không cãi bà T nữa. Sau khi dùng gậy đánh anh N thì Đ tiếp tục ngồi uống bia cùng anh N. Đ không lường trước được và cũng không mong muốn anh N chết. Hậu quả anh N chết là ngoài ý muốn của Đ.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Đoàn Văn Đ đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999. Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

[2.2] Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo nhận thức rõ hành vi dùng gậy đánh nhiều cái vào người anh N sẽ nguy hiểm cho anh N. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải lên cho bị cáo mức an nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe đồng thời phòng ngừa chung những ai đang có ý định xem thường tính mạng sức khỏe của người khác.

[2.3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi thực hiện hành vi gây thương tích cho anh N dẫn đến hậu quả anh N chết thì bị cáo đã tự nguyện đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đầu thứ khai nhận toàn bộ hanh vi phạm tội của mình. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đ có 01 tiền sự, thể hiện ngày 05/01/2017 bị Công an huyện Quảng Xương ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt 2.500.000đ về hành vi xâm phạm tài sản của người khác.

[2.4] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới cải tạo bị cáo thành công dân tốt, có ý thức tuân theo pháp luật. Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

[2.5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đại diện gia đình người bị hại và bị cáo đã thống nhất thỏa thuận bồi thường dân sự và phương thức bồi thường. Xét thấy sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, không vi phạm điều cấm của pháp luật, vì vậy cần công nhận. Cụ thể bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho gia đình người bị hại những khoản sau:

Số tiền chi phí hợp lý cho việc mai táng là 20.000.000đ; tiền cấp dưỡng nuôi cháu Phan Văn Tuấn mỗi tháng 2.000.000đ, kể từ tháng 07/2017 đến tháng 6/2019 (24 tháng), bị cáo cấp dưỡng một lần, tổng số tiền là 48.000.000đ; tiền cấp dưỡng nuôi bà Thái Thị L mỗi tháng là 500.000đ, trong thời gian 05 năm, bị cáo cấp dưỡng một lần, tổng số tiền là 30.000.000đ; khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 50.000.000đ. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là 148.000.000đ. Ngoài ra đại diện gia đình người bị hại không yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường khoản tiền nào khác.

Chị Đoàn Thị B khai báo cháu Phan Nhật M, sinh năm 2016 là con đẻ của anh N, nhưng giữa chị B và anh N không đăng ký kết hôn, chị cũng chưa đăng ký khai sinh cho cháu M. Chị B không yêu cầu Đ phải cấp dưỡng nuôi cháu M và chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy chiếc gậy tre mà bị cáo đã sử dụng gây thương tích cho anh N.

[2.7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Văn Đ phạm tội: "Cố ý gây thương tích".

- Xử phạt: Bị cáo Đoàn Văn Đ 10 (mười) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 09/7/2017.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 591, 593 Bộ luật Dân sự năm 2015. Công nhận sự thỏa thuận bồi thường về dân sự giữa bị cáo với đại diện gia đình người bị hại, cụ thể bị cáo phải bồi thường cho gia đình người bị hại các khoản tiền sau:

Số tiền chi phí hợp lý cho việc mai táng là 20.000.000đ; tiền cấp dưỡng nuôi cháu Phan Văn T mỗi tháng 2.000.000đ, kể từ tháng 07/2017 đến tháng 6/2019 (đến khi cháu T đủ 18 tuổi là 24 tháng), bị cáo cấp dưỡng một lần, tổng số tiền là 48.000.000đ; tiền cấp dưỡng nuôi bà Thái Thị L mỗi tháng là 500.000đ, trong thời gian 05 năm, bị cáo cấp dưỡng một lần, tổng số tiền là 30.000.000đ; khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 50.000.000đ. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là 148.000.000đ (Một trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc gậy tre dài 1,2m, đã khô, dạng cán xẻng gẫy lưỡi, thân tròn, đường kính 3cm.

Vật chứng trên hiện Cơ quan Công an huyện Quảng Xương đã bàn giao cho Chi cục Thị hành án dân sự huyện Quảng Xương theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/3/2018.

- Án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Đoàn Văn Đ phải chịu 200.000^{đ} án phí hình sự sơ thẩm và 7.400.000^{đ} án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Công an huyện Quảng Xương;
- Thi hành án (để thi hành);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hiệu